

HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP NGHỆ AN

Lương Thị Thành Vinh^{*1} và Lương Thị Thành Nam²

¹*Viện Sư phạm Xã hội, Trường Đại học Vinh, ²Sở Tài chính Nghệ An*

Tóm tắt. Nghệ An là tỉnh có diện tích lớn nhất nước ta (16.489,97 km² chiếm khoảng 5% diện tích của cả nước và với dân số 3.157.128 người năm 2018 chiếm khoảng 3,0% dân số cả nước) [11]. Với vai trò là một trong những đầu tàu của khu vực Bắc Trung Bộ, công nghiệp Nghệ An đã có những bước phát triển tích cực, tốc độ tăng trưởng khá, giữ vị trí thứ 2 trong khu vực Bắc Trung Bộ. Trong giai đoạn 2010 - 2019, ngành công nghiệp Nghệ An đã đạt được một số thành tựu đáng khích lệ. Quy mô giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá thực tế) tỉnh Nghệ An đạt 70.247,6 tỉ đồng năm 2019, tăng gấp 4,2 lần năm 2010. Năng suất lao động của ngành công nghiệp đạt 120 triệu đồng/người (2018), cao gấp 1,5 lần năng suất lao động toàn ngành kinh tế; gấp 3 lần ngành nông nghiệp. Năm 2019, tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh ước đạt 1.100 triệu USD. Sản phẩm của ngành công nghiệp luôn chiếm tỉ trọng tương đối cao trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa toàn tỉnh (năm 2019 chiếm 60%). Cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỉ trọng của ngành công nghiệp khai thác, tăng tỉ trọng của ngành công nghiệp chế biến. Từ năm 2010 đến năm 2019 cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế đã có sự chuyển dịch rất lớn: giảm nhanh tỉ trọng công nghiệp Nhà nước và tăng nhanh tỉ trọng công nghiệp ngoài Nhà nước, tăng tương đối nhanh tỉ trọng công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Nền công nghiệp bắt đầu hướng tới những ngành công nghiệp sạch, công nghiệp công nghệ cao, các ngành công nghiệp hỗ trợ, phát triển các khu, cụm công nghiệp dựa trên việc quy hoạch không gian phát triển kinh tế xã hội theo hướng gắn kết các nguồn lực nổi trội của tỉnh cũng như đảm bảo được hiệu quả phát triển về cả 3 mặt kinh tế, xã hội, môi trường. Tuy nhiên, năng lực phát triển của ngành công nghiệp còn ở mức độ khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh, đòi hỏi trong thời gian tới, tỉnh Nghệ An cần chú trọng vào một số giải pháp để đẩy mạnh vai trò động lực của ngành công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của tỉnh.

Từ khóa: Công nghiệp, hiện trạng công nghiệp, tỉnh Nghệ An.

1. Mở đầu

Trong Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XVII, giai đoạn 2010 - 2015 xác định: phát triển công nghiệp là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để Nghệ An trở thành một trong những trung tâm công nghiệp của miền Trung, đưa Nghệ An thoát khỏi tình trạng nghèo và kém phát triển, cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp vào năm 2020. Tuy nhiên, đến nay theo Báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội năm 2019 của UBND tỉnh, cơ cấu kinh tế mặc dù có sự chuyển dịch tích cực: Tỉ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng từ 77,62% năm 2018 lên 78,64% năm 2019; tỉ trọng khu vực nông, lâm, ngư nghiệp giảm từ 22,38% năm 2018 xuống còn 21,36% năm 2019 [1], nhưng con số này vẫn đặt ra những thách thức cho mục tiêu trở thành tỉnh công nghiệp của tỉnh Nghệ An vào năm 2020.

Ngày nhận bài: 19/1/2020. Ngày sửa bài: 27/1/2020. Ngày nhận đăng: 12/2/2020.

Tác giả liên hệ: Lương Thị Thành Vinh. Địa chỉ e-mail: vinhltht@vinhuni.edu.vn

Các nghiên cứu về công nghiệp của Nghệ An đã được tiến hành song song với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nghệ An xác định công nghiệp là một trong những ngành chủ đạo, tạo động lực cho sự phát triển kinh tế, đồng thời có thể khai thác một cách có hiệu quả các tiềm năng đa dạng về tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh. Bên cạnh cách quy hoạch, kế hoạch phát triển công nghiệp định kì của tỉnh, các nghiên cứu khoa học liên quan đến công nghiệp đã đi vào các khía cạnh khác nhau trong phát triển công nghiệp như: thực trạng phát triển công nghiệp chung tỉnh Nghệ An [2], thực trạng phát triển công nghiệp theo lãnh thổ, tổ chức lãnh thổ công nghiệp tỉnh Nghệ An [3, 4, 5, 6, 7], xây dựng các chỉ tiêu đánh giá và xác định hiệu quả sản xuất kinh doanh trên đất khu công nghiệp [8, 9], các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức lãnh thổ công nghiệp của Nghệ An [10]... Hầu hết các nghiên cứu này đã phản ánh được thực trạng phát triển công nghiệp của tỉnh trong giai đoạn 2006 - 2010. Tuy nhiên, đến nay với bối cảnh phát triển kinh tế có nhiều thay đổi, nhiều thách thức mới đặt ra với ngành công nghiệp. Bài báo này tập trung vào việc phân tích thực trạng phát triển công nghiệp của tỉnh trong giai đoạn 2010 - 2019, nhằm đưa ra được những đánh giá phù hợp hơn, tạo cơ sở đề xuất những giải pháp hiệu quả hơn cho phát triển công nghiệp trong giai đoạn mới, để Nghệ An có thể đạt được mục tiêu là một tỉnh công nghiệp sau năm 2020.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát chung

2.1.1. Vai trò của ngành công nghiệp trong nền kinh tế tỉnh Nghệ An

Những năm qua, Nghệ An đã có những thay đổi trên con đường phát triển kinh tế - xã hội. Sự phát triển đó đã tạo ra cho tỉnh một diện mạo mới, khác với những năm 90 trở về trước, trong đó phải kể đến những thành tựu của ngành công nghiệp. Trải qua hơn 25 năm xây dựng và phát triển sau khi tách ra từ tỉnh Nghệ Tĩnh, đến nay cơ cấu kinh tế của tỉnh có sự chuyển biến sâu sắc và có những bước tiến đáng kể. Cùng với việc đổi mới kinh tế của đất nước, trong thời gian qua nền kinh tế của Nghệ An đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận, trong đó có sự đóng góp rất quan trọng của ngành công nghiệp.

**Bảng 1. Quy mô và cơ cấu GRDP tỉnh Nghệ An (không tính thuế sản phẩm)
phân theo ngành kinh tế giai đoạn 2010 - 2019**

Năm	2010	2015	2017	2018	2019*
GRDP (Tỉ đồng)	42.168,5	84.167,7	103.122,9	114.306	129.815
Trong đó: (%)	100	100	100	100	100
- Nông - lâm - thủy sản	27,55	27,10	26,35	23,94	23,20
- CN và XD	33,34	27,26	27,71	28,78	30,94
- Dịch vụ	39,11	45,64	45,94	47,28	45,86

(giá thực tế) [11, 12]

Trong thời gian qua, với những chính sách phát triển năng động, quy mô GRDP công nghiệp (không tính xây dựng) của tỉnh đã tăng liên tục và tăng nhanh từ năm 2010 đến nay: năm 2010 là 4.517,5 tỉ đồng, năm 2017 là 12.930,4 tỉ đồng, gấp 2,9 lần so với năm 2010. Nhờ vào sự vươn lên của ngành công nghiệp, quy mô kinh tế của tỉnh Nghệ An giai đoạn 2010 - 2019 cũng tăng lên 3,07 lần. Mức tăng này đã nhỉnh hơn với mức bình quân chung cả nước (3,07 so với 2,8 lần).

2.1.2. Giá trị sản xuất và tốc độ tăng trưởng công nghiệp

Quy mô giá trị sản xuất công nghiệp (GTSX) (theo giá thực tế) tỉnh Nghệ An có xu hướng tăng, từ 16.856,2 tỉ đồng năm 2010 lên 70.247,6 tỉ đồng năm 2019, tăng gấp 4,2 lần năm 2010.

Với những con số trên vị thế của Nghệ An xếp thứ hai sau Thanh Hóa trong khu vực Bắc Trung Bộ về giá trị sản xuất công nghiệp.

Bảng 2. Giá trị sản xuất công nghiệp và tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp tỉnh Nghệ An giai đoạn 2005 – 2015

Năm	Tỉ đồng (giá hiện hành)	Giá so sánh 2010	
		Tỉ đồng	Tốc độ tăng trưởng (%)
2010	16.856,2	16.856,2	-
2013	32.349,8	26.044,7	10,26
2015	43.788,3	34.086,9	13,88
2017	62.944,9	47.998,6	19,35
2018	76.526,8	58.064,8	20,97
2019*	92.145,5	70.247,6	20,98

*: năm 2019 là số liệu ước tính, [10-14]

Tốc độ tăng trưởng GTSX công nghiệp (theo giá so sánh năm 2010) trên địa bàn tỉnh Nghệ An luôn giữ mức tăng trưởng khá cao từ năm 2010 đến năm 2019. Tốc độ tăng trưởng có xu hướng năm sau cao hơn năm trước trong giai đoạn 10 năm lại đây. Năm 2013, tốc độ tăng trưởng đạt mức 10,26%, năm 2015, tốc độ tăng trưởng lên 13,88%, năm 2018 cán mốc 20,97% và năm 2019 mức tăng trưởng ước đạt 20,98%. Đây là mức tăng khá ổn định trong những năm gần đây do một số công trình, nhà máy đã đi vào vận hành và cho ra sản phẩm, đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế như: nhà máy Tôn Hoa Sen, nhà máy chế biến cá hộp Royal Foods, nhà máy chế biến thực phẩm Masan (tại Nam Cẩm), nhà máy xi măng Sông Lam 2 (tại Anh Sơn), nhà máy Visai Ninh Bình, nhà máy gỗ MDF (tại Nghĩa Đàn)... [1].

2.1.3. Lao động và năng suất lao động công nghiệp

Lao động công nghiệp tập trung chủ yếu trong các doanh nghiệp công nghiệp ngoài nhà nước và doanh nghiệp nhà nước. Lao động công nghiệp trong khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỉ trọng thấp nhất và đang có xu hướng tăng nhanh đạt 12,25% (năm 2015). Trong khi đó, lao động công nghiệp trong khu vực Nhà nước có xu hướng giảm phù hợp với quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Chiếm tỉ trọng cao nhất và có xu hướng tăng qua các năm là khu vực ngoài nhà nước với tỉ trọng 78,35% (năm 2015) trong tổng số lao động công nghiệp. Đây là xu hướng chuyển dịch tích cực, phản ánh sự chuyển dịch hợp lí trong cơ cấu lao động công nghiệp của tỉnh Nghệ An, đó là giảm tỉ trọng lao động khu vực công nghiệp Nhà nước, tăng dần tỉ trọng lao động của khu vực ngoài Nhà nước và đặc biệt tăng nhanh tỉ trọng lao động của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

So với các ngành kinh tế khác, thì ngành công nghiệp có năng suất lao động cao nhất 120 triệu đồng/người (2018), cao gấp 1,5 lần năng suất lao động toàn ngành kinh tế; gấp 3 lần ngành nông nghiệp. Trong giai đoạn 2010 - 2019, tốc độ tăng NSLĐ ngành công nghiệp nhanh nhất 3,1 lần [11, 12].

2.1.4. Hiệu quả đầu tư công nghiệp

Tính đến nay, Nghệ An đã có 40 dự án FDI với tổng vốn đầu tư đăng ký 752,43 triệu USD và 185 dự án trong nước với tổng vốn đăng ký đầu tư 36.317,2 tỉ đồng. Năm 2019, Nghệ An đã cấp mới và điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư cho 130 dự án, trong đó: cấp mới cho 101 dự án với tổng vốn đăng ký 13.226,06 tỉ đồng; điều chỉnh cho 29 dự án với tổng vốn đầu tư tăng thêm 1.386,14 tỉ đồng. So với năm 2018, tổng vốn đầu tư của dự án cấp mới tăng 1,45 lần; các dự án đi vào hoạt động đã góp phần giải quyết cho hơn gần 10.000 lao động, nộp ngân sách hơn 3.000 tỉ đồng. Một số dự án có quy mô đầu tư lớn như: Dự án nhà máy sản xuất ván sợi MDF tại KKT

Đông Nam (1.558,0 tỉ đồng), dự án thực phẩm MASAN (1.200 tỉ đồng), Tôn Hoa Sen (2.300 tỉ đồng) [15].

Cơ cấu vốn đầu tư có sự thay đổi rõ rệt theo hướng tăng tỉ trọng vốn đầu tư của khu vực ngoài nhà nước và khu vực nước ngoài và giảm tỉ trọng của vốn đầu tư ở khu vực Nhà nước. Xu hướng này phù hợp với quá trình chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế của tỉnh. Cơ cấu vốn đầu tư theo ngành cũng có sự thay đổi theo hướng tăng dần tỉ trọng đầu tư ở nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (từ 62,55% năm 2010 lên 71,52% năm 2019), giảm dần đầu tư vào các ngành công nghiệp khai khoáng (từ 3,57% năm 2010 xuống 2,21% năm 2019), sản xuất phân phối điện nước (từ 29,74% năm 2010 xuống 22,9% năm 2019).

Bảng 3. Vốn đầu tư công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2010 - 2019

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>2010</i>	<i>2015</i>	<i>2017</i>	<i>2019</i>
Vốn đầu tư phát triển CN	4.882	8.422	11.456	13.403
- Theo khu vực kinh tế (%)				
+ Khu vực Nhà nước	29,7	23,0	-	-
+ Khu vực ngoài Nhà nước	68,7	74,2	-	-
+ Khu vực vốn đầu tư nước ngoài	1,6	2,8	-	-
- Theo ngành công nghiệp				
+ Khai khoáng	3,57	3,34	3,67	2,21
+ Công nghiệp chế biến, chế tạo	62,55	60,49	61,21	71,52
+ Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	29,74	31,62	31,85	22,90
+ Cung cấp nước; hoạt động quản lí và xử lí rác thải, nước thải	4,14	4,56	3,26	3,37

(Đơn vị: tỉ đồng); [1, 11, 12]

Thời kì 2010 - 2018, tổng số vốn đầu tư cho công nghiệp của tỉnh tăng nhanh (2,65 lần). Tuy nhiên, tỉ lệ đầu tư trên GRDP của tỉnh có sự thay đổi nhưng theo xu hướng giảm dần, từ 29% GRDP (năm 2010) xuống 19,2% GRDP (năm 2015). Đến năm 2018, tỉ lệ này còn 16,9%. Điều này cho thấy, hiệu quả đầu tư có sự tăng lên, đặc biệt là từ năm 2015, khi nhiều dự án đầu tư đã hoàn thiện và đi vào hoạt động.

Bảng 4. Hiệu quả đầu tư công nghiệp giai đoạn 2010 - 2018

<i>Năm</i>	<i>Vốn đầu tư (tỉ đồng)</i>	<i>GRDP (Giá TT, tỉ đồng)</i>	<i>Tỉ lệ đầu tư/GRDP (%)</i>
2010	4.882	16.856,2	29.0
2015	8.422	43.788,3	19.2
2017	11.456	62.944,9	18.2
2018	12.967	76.526,8	16.9

(Nguồn: xử lí từ báo cáo được cung cấp của Cục Thống kê Nghệ An năm 2019)

2.1.5. Giá trị xuất khẩu công nghiệp

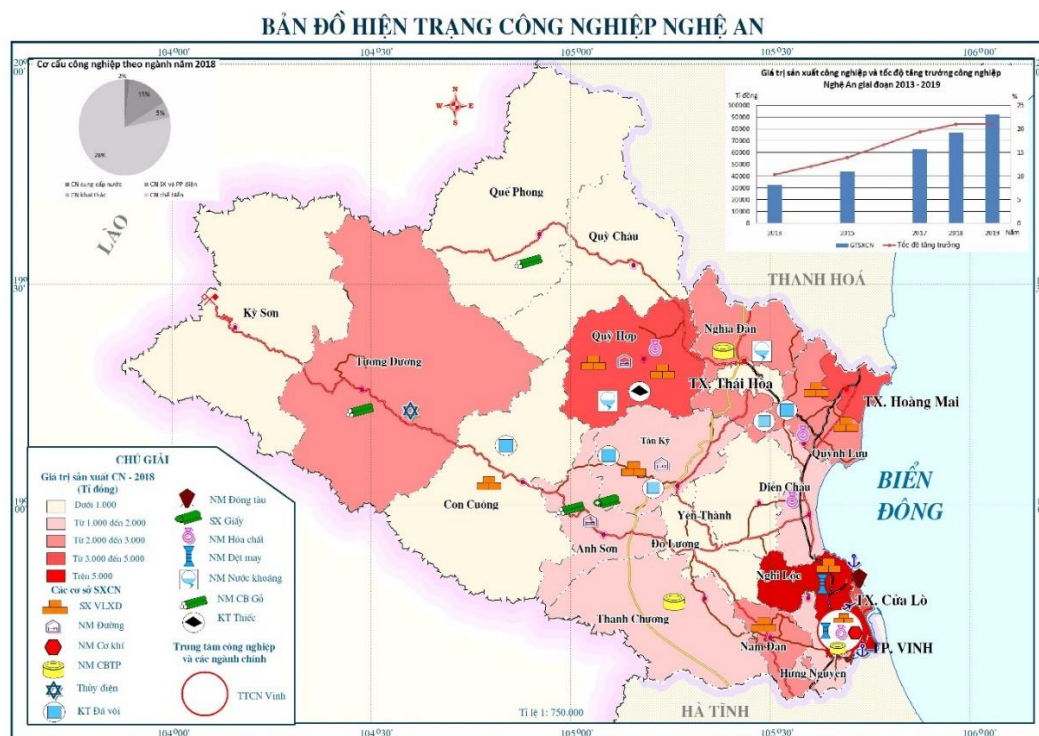
Xuất khẩu công nghiệp được coi là định hướng, là lối ra của tăng trưởng công nghiệp nói riêng, tăng trưởng kinh tế nói chung. Xét trên quy mô khu vực Bắc Trung Bộ 2018, Nghệ An đứng ở vị trí thứ 2 về kim ngạch xuất khẩu sau tỉnh Thanh Hóa.

Công nghiệp là ngành đóng góp tương đối lớn vào kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Giá trị xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp trong tổng giá trị xuất khẩu khá cao và có xu hướng ngày càng. Năm 2019, tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh ước đạt 1.100 triệu USD. Sản phẩm của ngành công nghiệp luôn chiếm tỉ trọng tương đối cao trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa toàn tỉnh (năm 2019 chiếm 60%).

Bảng 5. Giá trị các mặt hàng công nghiệp xuất khẩu chủ lực của Nghệ An năm 2015 và 2019

STT	Mặt hàng	2015	2019
1	Sản phẩm bằng nhựa plasstic	3,86	17
2	Hàng dệt may	89.6	260
3	Bột đá trắng	-	43
4	Thủy sản	-	15,2
5	Hoa quả và nước hoa quả CB	-	30

(Đơn vị: triệu USD); [Nguồn: 12, 16]



Có 50 nhóm hàng xuất khẩu công nghiệp chủ lực của tỉnh, trong đó, các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu cao là: may mặc, bột đá trắng, chế biến thủy sản, hoa quả chế biến, sản phẩm bằng nhựa plasctic, sản phẩm bằng gỗ, hàng thủ công - mỹ nghệ... Hàng dệt may là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh, chiếm tỉ trọng cao nhất trong tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành, từ 89,6 triệu USD (2015) lên 260 triệu USD (2019). Nhóm hàng này tăng 2,9 lần trong năm 2019 so với năm 2015.

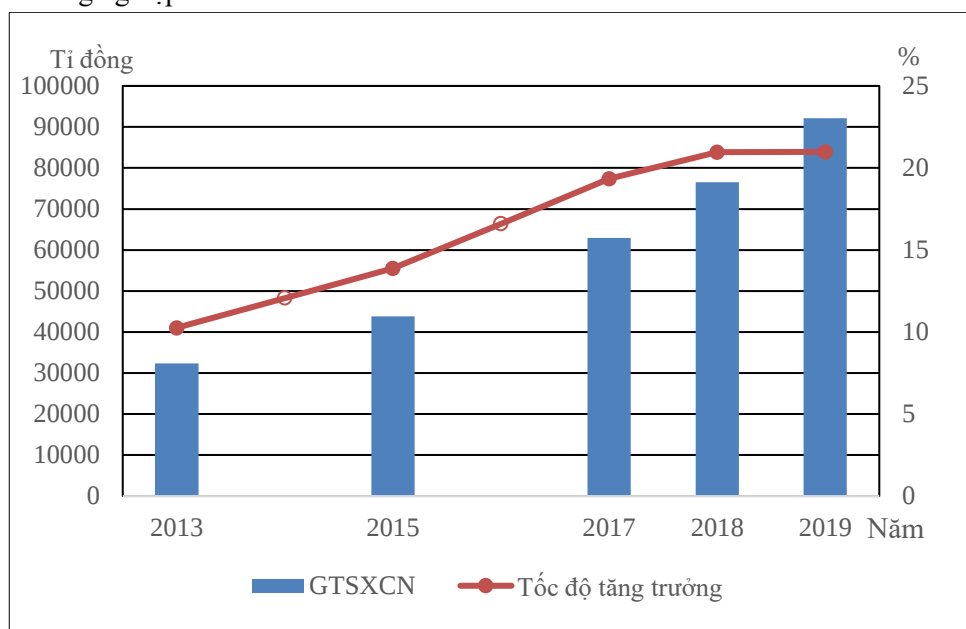
Tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh cũng như toàn ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh tăng nhanh chủ yếu là do đóng góp của khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thông qua

xuất khẩu nhóm hàng dệt may (kim ngạch xuất khẩu ước tính đạt 260 triệu USD năm 2019), bột đá trắng siêu mịn (kim ngạch xuất khẩu ước tính đạt 43 triệu USD năm 2019), hàng thủy sản (kim ngạch xuất khẩu ước tính đạt 15,2 triệu USD năm 2019), hạt phụ gia nhựa (kim ngạch xuất khẩu ước tính đạt 17 triệu USD năm 2019) và hoa quả chế biến (kim ngạch xuất khẩu ước tính đạt 30 triệu USD năm 2019). Những con số đạt được chứng tỏ hoạt động xuất khẩu ở Nghệ An đã có những bước đột phá về tăng trưởng làm tăng năng lực cạnh tranh và khả năng hội nhập của tỉnh. Điều này phản ánh những tác động tích cực đến xuất khẩu khi Nghệ An chủ động cải tạo các chính sách về hội nhập kinh tế quốc tế.

2.3. Thực trạng phát triển và phân bố công nghiệp tỉnh Nghệ An

2.3.1. Phát triển công nghiệp theo ngành

Trong thời gian qua, công nghiệp được coi là động lực chính trong việc phát triển kinh tế của tỉnh. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng liên tục qua các năm. Năm 2010 là 16.646,2 tỉ đồng và chỉ sau 5 năm đến năm 2015 con số này đã tăng lên gấp 2,6 lần. Đến năm 2019, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 92.145,5 tỉ đồng gấp 5,5 lần so với năm 2010. Trong thời kì này, giá trị sản xuất công nghiệp tăng cao là do tỉnh đã hình thành một số khu công nghiệp và hoạt động của chúng ngày càng có hiệu quả và có những đóng góp rất lớn trong giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh. Bên cạnh đó, với chính sách đa dạng hóa các loại hình trong sản xuất công nghiệp và những chính sách ưu đãi với các nhà đầu tư tại Nghệ An, đã góp phần rất lớn vào giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh.



Hình 1. Giá trị sản xuất công nghiệp và tốc độ tăng trưởng CN tỉnh Nghệ An giai đoạn 2013 - 2019 (GTSXCN - giá hiện hành, Tốc độ tăng trưởng - giá so sánh)

Trong cơ cấu công nghiệp phân theo nhóm ngành của tỉnh Nghệ An, có sự xuất hiện đầy đủ của 4 nhóm ngành (Khai khoáng; Chế biến, chế tạo; Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí; Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải), nhưng nổi bật nhất vẫn là công nghiệp chế biến. Ngành này luôn chiếm tỉ trọng cao nhất và ổn định (trên 60% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh và trên 70% GRDP công nghiệp toàn tỉnh) từ năm 2010 đến nay, mặc dù tỉ lệ này đã giảm so với giai đoạn trước đó.

Ngành công nghiệp khai thác chiếm tỉ trọng tương đối cao về giá trị sản xuất với 35,7% năm 2010 và 34,7% năm 2018. Nếu tính theo cơ cấu GRDP của ngành công nghiệp, tỉ trọng

ngành này trong cơ cấu năm 2010 là 15%, đến năm 2015 còn 8,3%, năm 2018 xuống còn 5,4%. Tuy nhiên, ngành này vẫn duy trì được hoạt động sản xuất ổn định, sản xuất tăng trưởng do nhu cầu sản phẩm nội địa tăng (đá xây dựng, đá ba zan, than) và nhu cầu thị trường xuất khẩu các loại khoáng sản đang mở (thiếc, đá trắng, quặng bô xít...). Các doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực khai thác đã tận dụng phát huy năng lực sản xuất sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường, các cơ sở sản xuất ngoài quốc doanh tranh thủ tận dụng nguồn lao động thủ công khai thác tận thu phục vụ nhu cầu tại chỗ. Ngoài ra có nhiều doanh nghiệp tập trung và đã hình thành một số mũi công nghiệp khai thác khoáng sản quan trọng trong đó khai thác và chế biến đá trắng có bước phát triển mới góp phần tăng giá trị xuất khẩu và khai thác tiềm năng sẵn có của tỉnh.

Hai nhóm ngành thuộc nhóm công nghiệp sản xuất và phân phối điện, nước chiếm tỉ trọng nhỏ và có sự thay đổi không đáng kể trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh, với tổng giá trị sản xuất luôn dưới 3% trong giai đoạn 2010 - 2019. Nếu xét hai nhóm ngành này trong cơ cấu GRDP thì hai nhóm này có xu hướng tăng tỉ trọng từ 10,6% năm 2010 lên 16,4% năm 2018. Tổng sản phẩm của hai nhóm ngành này tăng nhanh về giá trị tuyệt đối. Điều này liên quan đến việc hoàn thành và đưa vào vận hành một số công trình thủy điện như: Bán Vẽ và sắp tới là Khe Bô. Sản phẩm và giá trị sản xuất và phân phối nước ở thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò, Thái Hòa và ở thị trấn một số huyện: Hưng Nguyên, Diễn Châu, Quỳnh Lưu... vẫn có sự tăng trưởng khá, do Nhà máy nước Vinh đã nâng công suất lên 6 vạn m³/ngày/đêm. Trong những năm tới, các nhà máy thủy điện, nhiệt điện hoàn thành đầu tư vào cuối giai đoạn sẽ tiếp tục góp phần thay đổi cơ cấu công nghiệp của nhóm ngành này.

Bảng 6. Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp tỉnh Nghệ An giai đoạn 2010 - 2019

Nhóm ngành	2010	2015	2017	2018	2019
Khai thác	35.7	35.1	34.9	34.7	34.7
Chế biến, chế tạo	63.1	62.7	63.2	63.4	62.9
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	0.0	0.1	0.1	0.1	0.1
Cung cấp nước; hoạt động quản lí và xử lí rác thải, nước thải	1.2	2.1	1.8	1.8	2.2
Tổng	100	100	100	100	100

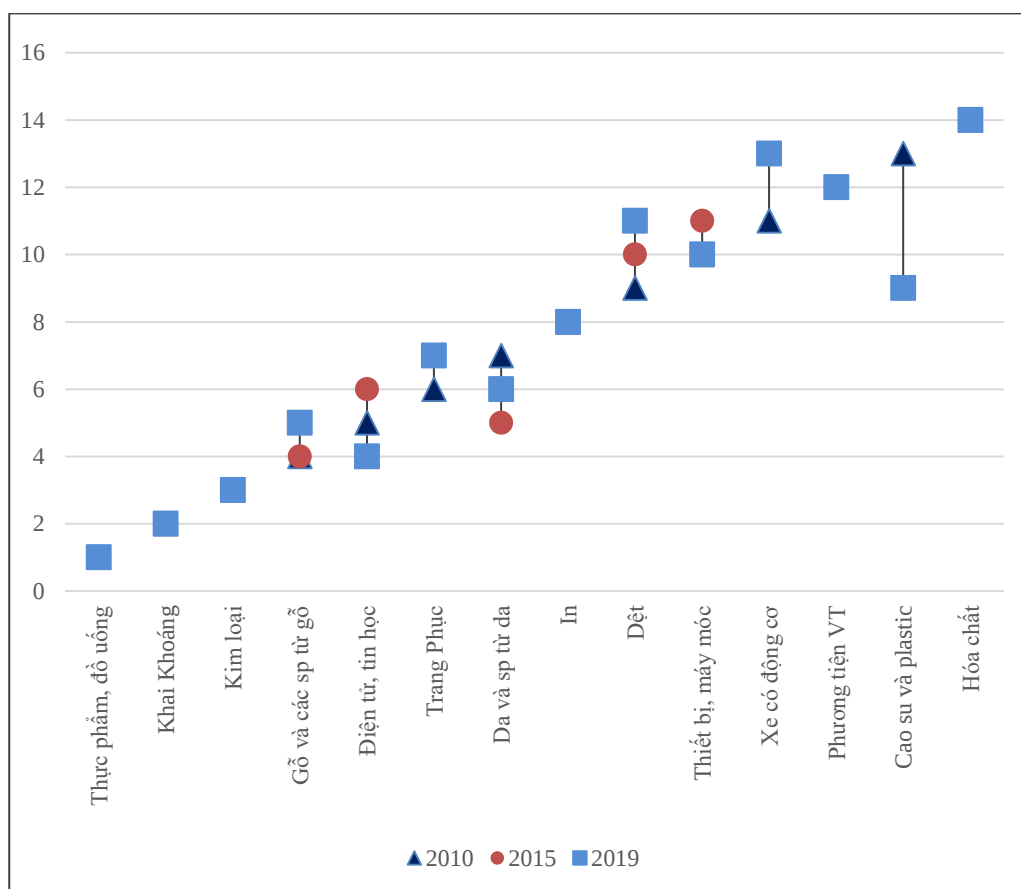
Đơn vị: %; Xử lí số liệu từ [12]

Công nghiệp chế biến, chế tạo vẫn chiếm tỉ trọng lớn, và có xu hướng gia tăng về tỉ trọng trong cơ cấu ngành công nghiệp toàn tỉnh. Tỉ trọng giá trị sản xuất của nhóm ngành này trong giai đoạn 2010 - 2019 luôn xấp xỉ ở mức 63%. Tỉ trọng trong cơ cấu GRDP ngành tăng từ 73,98% năm 2010 lên 78,3% năm 2018. Tốc độ tăng trưởng công nghiệp chế biến vẫn giữ được đà tăng trưởng ổn định và quyết định tốc độ phát triển công nghiệp của tỉnh. Trong nhiều năm qua công nghiệp chế biến, chế tạo đã liên tục giữ được nhịp độ tăng trưởng cao ở mức hai con số. Giá trị sản xuất năm 2010 là 29.674,1 tỉ đồng; năm 2019 đạt 166.923,7 tỉ đồng gấp 5,6 lần năm 2010 [12]. Những năm tới, lĩnh vực này tiếp tục chiếm ưu thế do nhiều dự án quy mô lớn sẽ khai thác hết năng lực sản xuất như: xi măng, bia, chế biến sữa...

Qua Bảng 6 ta thấy rằng, cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của Nghệ An có sự chuyển dịch đúng hướng, phù hợp với đường lối chính sách phát triển công nghiệp của tỉnh là giảm tỉ trọng ngành công nghiệp khai thác tài nguyên khoáng sản, tăng tỉ trọng ngành công nghiệp chế biến để phát huy tốt được nội lực vốn có của tỉnh. Tuy nhiên, quá trình chuyển dịch này

còn chậm, ngành công nghiệp khai thác vẫn chiếm tỉ trọng khá cao trong cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp.

Trong thời kì 2010 - 2019, 3 ngành công nghiệp của tỉnh luôn giữ ổn định trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp ở vị trí thứ nhất, thứ nhì, thứ ba đó là ngành thực phẩm đồ uống, khai khoáng và kim loại. Các ngành in, phương tiện vận tải và hóa chất giữ nguyên vị trí qua các năm với thứ hạng lần lượt là 8, 12, 14. Những ngành có sự vươn lên về thứ hạng là điện tử và tin học, da và các sản phẩm từ da, cao su và plastic. Những ngành giảm thứ hạng: gỗ và các sản phẩm từ gỗ, sản xuất trang phục, dệt và sản xuất xe có động cơ (Hình 2).



Hình 2. Sự thay đổi thứ hạng của các ngành công nghiệp cấp II trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của Nghệ An giai đoạn 2010 - 2019
(cao nhất là số 1; thấp nhất là số 14)

2.3.2. Phát triển công nghiệp theo thành phần kinh tế

Ở Nghệ An, thời điểm trước và từ sau năm 1991 sau khi tách ra từ tỉnh Nghệ Tĩnh các thành phần kinh tế đã hình thành và phát triển đầy đủ trên địa bàn tỉnh. Trong đó kinh tế Nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo và đóng góp phần lớn vào ngân sách địa phương. Tuy nhiên, từ năm 2005 đến nay cơ cấu kinh tế nói chung và cơ cấu ngành CN nói riêng theo thành phần kinh tế đã có sự thay đổi rõ nét và theo hướng tích cực. Kinh tế Nhà nước giảm dần theo tiến trình cổ phần hoá; Kinh tế tư nhân và cá thể được khuyến khích phát triển, đã và đang thực sự trở thành đơn vị kinh tế tự chủ và góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế và giải quyết việc làm tại chỗ, nhất là ở khu vực nông thôn. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tuy mới xuất hiện nhưng đã dần chiếm vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, đóng góp khá cho tăng trưởng kinh tế.

Kinh tế tập thể, tuy được Nhà nước khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện phát triển sản xuất kinh doanh nhưng vẫn chưa phát huy được tiềm năng nên giảm nhanh tỉ trọng...

Từ năm 2010 đến năm 2019 cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế đã có sự chuyển dịch rất lớn: giảm nhanh tỉ trọng công nghiệp Nhà nước và tăng nhanh tỉ trọng công nghiệp ngoài Nhà nước, tăng tương đối nhanh tỉ trọng công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Giai đoạn 2010 - 2019, tỉ trọng công nghiệp Nhà nước liên tục giảm nhanh xuống còn 24,62%. Tỉ trọng công nghiệp ngoài Nhà nước tăng nhanh lên 61,45% trong vòng 10 năm. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đã đạt trên mức 12% trong giai đoạn này.

Những chuyển dịch trên là nhờ Nghệ An đã phát huy các lợi thế so sánh về vị trí địa lý; tiềm năng tự nhiên, nguồn lực con người và sớm có những điều chỉnh về chính sách phát triển công nghiệp phù hợp. Tỉnh đã triển khai và thúc đẩy công tác xúc tiến và thu hút đầu tư có hiệu quả của các thành phần kinh tế ngoài nhà nước. Bên cạnh đó tỉnh còn tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Đến nay, các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có 225 dự án đầu tư (còn hiệu lực). Trong đó, đã có 123 dự án đi vào hoạt động, góp phần tăng nguồn thu ngân sách, giải quyết việc làm và thực hiện an sinh xã hội.

Doanh nghiệp nhà nước được tổ chức, sắp xếp lại hoạt động theo luật doanh nghiệp, các doanh nghiệp được sắp xếp đã hoạt động ổn định và hiệu quả hơn; các loại hình kinh tế tư nhân phát triển khá nhanh, đóng vai trò ngày càng quan trọng vào tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, tăng thu ngân sách của tỉnh. Số doanh nghiệp được thành lập trên địa bàn tăng đạt ngưỡng gần 10.000 doanh nghiệp, góp phần tạo ra nhiều việc làm và đóng góp lớn vào ngân sách nhà nước.

2.3.3. Phát triển công nghiệp theo lãnh thổ

Phát triển công nghiệp theo lãnh thổ được xác định là một vấn đề quan trọng trong phát triển công nghiệp nói chung. Sự phát triển đó vừa thể hiện mối quan hệ trực tiếp đến mục tiêu tăng trưởng chung của tỉnh đồng thời còn liên quan đến cân đối trên địa bàn. Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp các huyện, thị xã, thành phố có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quá trình thực hiện công bằng xã hội, cũng như phát huy nội lực trong quá trình chuyển đổi kinh tế ở tỉnh Nghệ An.

Trải qua hơn 25 năm xây dựng và phát triển, Nghệ An cơ bản đã thể hiện được sự phân bố công nghiệp với những nét đặc trưng riêng, trong đó có sự phân hóa rõ giữa thành phố Vinh, thị xã Hoàng Mai... với các huyện khác trong tỉnh.

Sự phân bố công nghiệp tỉnh Nghệ An nổi lên một số khu vực công nghiệp tập trung với mức độ tập trung công nghiệp cao là: thành phố Vinh, thị xã Hoàng Mai. Trong đó, thành phố Vinh là nơi tập trung chủ yếu các hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn, đặc biệt phát triển ngành công nghiệp chủ lực như chế biến, chế tạo... Trong quá trình quy hoạch ở khu vực này cơ bản bảo đảm phát huy lợi thế tập trung, vượt trội so với các vùng khác trong tỉnh, góp phần đẩy nhanh hơn nữa tốc độ đô thị hoá, xây dựng đô thị hiện đại, hệ thống hạ tầng đồng bộ kết nối với mạng lưới các khu công nghiệp. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2018 của thành phố Vinh chiếm tỉ trọng cao nhất tới 37% tổng giá trị sản xuất công nghiệp trong các huyện, thị. Các khu vực tập trung công nghiệp còn lại nhìn chung chiếm tỉ trọng giá trị sản xuất nhỏ, thường gắn liền với một hoặc một số ngành có thế mạnh riêng.

3. Kết luận

Công nghiệp Nghệ An trong thời gian qua đã có sự chuyển dịch đúng hướng với ngành công nghiệp chế biến chiếm tỉ trọng cao nhất năm 2018 đạt 78% trở thành ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh. Cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế cũng có những chuyển biến tích cực. Tỉ trọng giá trị sản xuất giảm liên tục ở thành phần kinh tế Nhà nước và tăng ở thành phần

kinh tế ngoài Nhà nước, và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài; Cơ cấu lãnh thổ công nghiệp, có sự phân hóa rõ rệt với việc thực hiện tốt quy hoạch về không gian phát triển công nghiệp, trong đó chủ yếu ở các khu công nghiệp tập trung, hạn chế phát triển các cụm công nghiệp. Tuy nhiên, công nghiệp tỉnh còn những tồn tại, hạn chế như công nghiệp hỗ trợ còn nhỏ bé chưa đáp ứng được nhu cầu của các nhà đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp trong nước hạn chế vốn đầu tư nên chậm đổi mới về máy móc công nghệ dẫn đến năng lực sản xuất và sức cạnh tranh thấp...

Do đó, để phát triển ngành công nghiệp một cách hiệu quả và tương xứng với tiềm năng và nhu cầu phát triển của tỉnh, trong thời gian tới, cần tăng cường khai thác lợi thế về nguồn lao động dồi dào, điều kiện đất đai và nguyên liệu tại chỗ, nhất là nguồn nguyên liệu nông, lâm, hải sản phục vụ công nghiệp chế biến. Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp nhằm tạo mặt bằng sạch cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp; Tập trung phát triển một số ngành, sản phẩm công nghiệp mũi nhọn có lợi thế cạnh tranh về nguyên liệu tại chỗ như sản xuất xi măng và vật liệu xây dựng; công nghiệp chế biến nông, lâm thủy hải sản; chế biến khoáng sản. Đồng thời tranh thủ mọi cơ hội thu hút đầu tư để phát triển một số ngành công nghiệp có hàm lượng kỹ thuật cao hơn như cơ khí chế tạo, sản xuất thiết bị điện, điện tử tin học; Tăng cường hợp tác, liên kết giữa các ngành, doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn và với các tỉnh bạn lân cận để sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực, nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh của công nghiệp. Hình thành sự phân công sản xuất, tham gia chế tạo trong chuỗi cung ứng sản phẩm của các dự án lớn trong vùng như tổ hợp lọc, hóa dầu Nghi Sơn; Khu kinh tế Vũng Áng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] UBND tỉnh Nghệ An, 2020. Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2019 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020.
- [2] Nguyễn Thị Trang Thanh, 2006. “Thực trạng phát triển công nghiệp tỉnh Nghệ An”. *Tạp chí Khoa học Trường đại học Sư phạm Hà Nội*, số 5, 2006, tr. 138 - 143.
- [3] Lương Thị Thành Vinh, 2006. “Hiện trạng phát triển các ngành công nghiệp vùng gò đồi Nghệ An thời kỳ 2000 – 2005”. *Tạp chí Khoa học Trường đại học Sư phạm Hà Nội*, số 5, 2006, tr. 133-137.
- [4] Lương Thị Thành Vinh, 2007. “Hiện trạng phát triển trung tâm công nghiệp Vinh”. *Tạp chí Khoa học Trường đại học Sư phạm Hà Nội*, Số 5, 2007, tr. 94-99.
- [5] Lương Thị Thành Vinh, 2009. “Tổ chức lãnh thổ công nghiệp Vùng Đồng bằng Nghệ An”. *Tạp chí Khoa học Trường đại học Sư phạm Hà Nội*, Số 7, 2009, tr. 171-178.
- [6] Lương Thị Thành Vinh, 2009. “Tình hình phát triển công nghiệp Vùng Đồng bằng Nghệ An thời kỳ 2002 – 2007”. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh*, Số 3B, 2009, tr. 78- 86.
- [7] Lương Thị Thành Vinh, 2011. “Tổ chức lãnh thổ công nghiệp Nghệ An”. *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Vinh, Số 3A, 2011, tr. 86- 92.
- [8] Lương Thị Thành Vinh, 2009. “Xây dựng các chỉ tiêu và vận dụng vào việc đánh giá các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp tỉnh Nghệ An”. *Tạp chí Khoa học Trường đại học Sư phạm Hà Nội*, Số 7, 2009, tr. 147-159.
- [9] Lương Thị Thành Vinh, 2011. “Đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trên đất khu công nghiệp Nghệ An”. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, Số 2, 2011, tr. 129-141.
- [10] Lương Thị Thành Vinh. “Phân tích các nhân tố kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến tổ chức lãnh thổ công nghiệp Nghệ An”. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh*, Số 1B, 2011, tr. 73- 81.

- [11] Cục Thống kê tỉnh Nghệ An, Niên giám thống kê các năm 2011, 2015, 2016, 2018, Nxb Nghệ An.
- [12] Tổng cục thống kê Nghệ An, 2020. Báo cáo nội bộ của phòng Công nghiệp, các năm 2010, 2015, 2017, 2018, 2019.
- [13] Sở Kế hoạch đầu tư, 2016. Kế hoạch xúc tiến đầu tư và phát triển kinh tế đối ngoại 2016-2020.
- [14] Sở Kế hoạch đầu tư, 2020. Báo cáo kết quả triển khai thực hiện đề án tập trung thu hút đầu tư có hiệu quả vào tỉnh Nghệ An đến năm 2030 và các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh.
- [15] Ban quản lý KKT Đông Nam, Kết quả sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp KKT Đông Nam và các KCN tỉnh Nghệ An 2005, 2010, 2015, 2018.
- [16] <https://congthuong.vn/nghe-an-xuat-khau-tang-83-trong-nam-2019-128311.html>

ABSTRACT

The present state of development of Nghe An industry

Luong Thi Thanh Vinh¹ and Luong Thi Thanh Nam²

¹*Institute of Social Education, Vinh University,* ²*Nghe An Finance Department*

Nghe An is the largest province in our country (16,489.97 km², accounting for about 5% of the country's area and with a population of 3,157,128 people in 2018, accounting for 3.0% of the country's population) [4] . With the role of one of the locomotives in the North Central region, Nghe An industry has had positive development steps, good growth rate, and held the second position in the North Central region. In the period of 2010 - 2019, Nghe An industry has achieved some achievements. The scale of industrial production value (at current prices) in Nghe An province is VND 70,247.6 billion in 2019, increase of 4.2 times in 2010. Labor productivity of the industry reaches VND 120 million/ person (2018), 1.5 times higher than labor productivity of the entire economic sector; 3 times more than agriculture. In 2019, the total export turnover of the province is estimated at US \$ 1,100 million. Industrial products always account for a relatively high proportion of the total export value of goods in the whole province (in 2019, accounting for 60%). The internal structure of the industry has shifted in a positive direction, which helps to reduce the proportion of the mining industry, and increase the proportion of the processing industry. From 2010 to 2019, the industrial structure of economic sectors has undergone a great shift: a rapid decrease in the share of State industry and a rapid increase in the proportion of non-State industries, a relative rapid increase in the proportion of industry foreign invested capital. The industry started moving towards clean industries, high-tech industries, supporting industries, developing industrial zones and clusters based on the planning of socio-economic development space in an integrated manner, combining outstanding resources of the province as well as ensuring development efficiency in all 3 aspects of economy, society and environment. However, the development capacity of the industry is still at a modest level, which does not commensurate with the potential of the province, requiring in the coming time, Nghe An province needs to focus on a number of solutions to promote its role. It should be motivation of industry in the economic structure of the province.

Keywords: Industry, industrial development status, Nghe An province.